

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2018**



MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG	04
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	18
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	40
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	50
QUẢN TRỊ CÔNG TY	54
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	62

01

THÔNG TIN CHUNG

- >> Thông tin khái quát
- >> Quá trình hình thành và phát triển
- >> Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- >> Cơ cấu tổ chức
- >> Định hướng phát triển
- >> Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Tên tiếng anh	Bien Hoa Building materials production and construction joint stock company
Giấy chứng nhận ĐKKD số	3600275107, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 9/7/2018, do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Đồng Nai cấp
Vốn điều lệ	470.000.000.000 đồng
Mã số thuế	3600275107
Địa chỉ	K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố 3, phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(0251) 385.9358
Số fax	(0251) 385.9917
Website	bbcc.com.vn
Email	congybbcc@gmail.com
Mã cổ phiếu	VLB
Logo	



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 1/4/1988, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Xí nghiệp: Xí nghiệp khai thác đất, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/QĐ.UBTP ngày 10/3/1988.

1988

Ngày 19/12/1996, Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 5425/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1996

Ngày 1/10/2003, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác – Chế biến Tân Bản vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT 26/09/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 1/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT 27/07/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2003 -
2004

Ngày 29/6/2006, sáp nhập Công ty TNHH MTV Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

Ngày 1/11/2015, Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

2006 -
2015

Ngày 17/4/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 01 số 59/2016/GCNCP-VSD-1 ngày 06/04/2018 nâng số lượng chứng khoán đăng ký lên 47.000.000 cổ phiếu.

2018

1983

Ngày 3/12/1983, Xí nghiệp khai thác Đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của UBND thành phố Biên Hòa.

1991 -
1992

Ngày 12/3/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai theo quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

1997 -
1998

Ngày 13/9/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 29/6/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ-UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

2005

Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT của Chủ tịch tỉnh Đồng Nai.

UBND tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

2016

Ngày 19/2/2016, Công ty được UBCKNN công nhận đủ điều kiện là công ty đại chúng.

Ngày 17/6/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 45.000.000 cổ phiếu.

Ngày 22/9/2016, Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là VLB.

NHỮNG THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU



- Huân chương Lao động (1988, 1991, 1996);
- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động (2000);
- Huân chương Độc lập (2012);
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng năm 2015, 2016, 2017;
- Năm 2018 tiếp tục đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu Cụm I – Tổng Công ty.
- Nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Tài Chính, Tổng Cục thuế, Bộ Công thương, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng, UBND tỉnh Đồng Nai,... trao tặng.

STT	Cấp ngành khen thưởng	Nội dung	Số quyết định
1	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai	Tặng bằng khen Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017.	Số 1432/QĐ-CT ngày 05/9/2018
2	UBND tỉnh Đồng Nai	Tặng cờ thi đua xuất sắc cho Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2017.	Số 1554/QĐ-UBND ngày 09/05/2018

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông.
- Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng kỹ thuật và công nghiệp.
- Đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình.
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy và đường bộ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá của BBCC từ tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau và thị trường trọng điểm là các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây Nam bộ,...



SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Đá 1x2



Đá 0x4



Đá 4x6



Đất san lấp

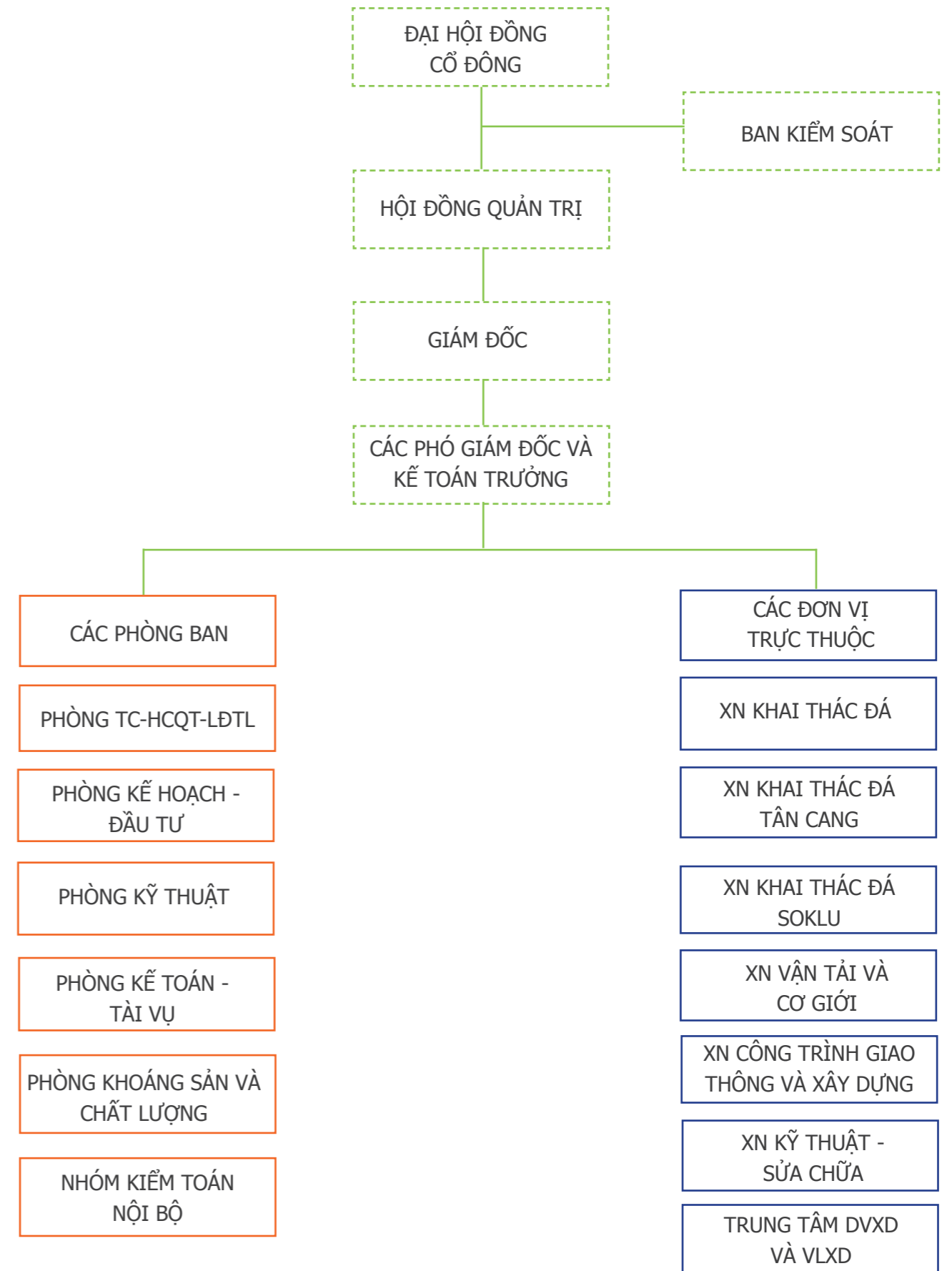


Đá mi sàng



Đá mi bụi

CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đối với hoạt động sản xuất:

- > Tập trung phát triển toàn diện về tài chính, nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất tiên tiến.
- > Đẩy mạnh đầu tư sản xuất, đa dạng hóa thêm sản phẩm có chất lượng, giá cả hợp lý, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty ở thị trường trong nước.
- > Xây dựng Công ty thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về khai thác, chế biến đá xây dựng.



Đối với nhân sự:

- > Hoàn thiện cơ cấu, bộ máy tổ chức, năng lực quản trị đối với cấp quản lý Công ty, đơn vị trực thuộc.
- > Tối đa hóa năng suất cao, chất lượng và hiệu quả của từng vị trí, công việc; nhưng đồng thời phải ngày càng tinh gọn lực lượng lao động.
- > Chú trọng đào tạo, cập nhật kiến thức mới, các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để chuẩn hóa cũng như nâng cao chất lượng lao động. Tạo điều kiện, cơ hội cho người lao động phát huy kinh nghiệm, sở trường, năng lực chuyên môn; gắn với thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi để khích lệ người lao động tăng cường đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- > Tiếp tục phát huy thế mạnh mảng khai thác và chế biến đá xây dựng các loại; tối ưu chất lượng khai thác, hiệu quả tại các mỏ hiện có.
- > Tìm kiếm, khảo sát, thăm dò các mỏ đá mới, mở rộng phạm vi hoạt động cũng như tìm kiếm các đối tác chiến lược có năng lực và tiềm lực để hỗ trợ khâu hoạt động cũng như tạo các hợp đồng, dự án cho Công ty.
- > Phát triển hoạt động thi công hạ tầng giao thông và xây dựng, gắn với tập trung vào lĩnh vực kinh doanh hạ tầng, dự án khu dân cư, nhà ở, khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất Công ty quản lý.

Các mục tiêu phát triển bền vững:

- > Xây dựng hệ thống quản trị Công ty hiệu quả để phát huy tối đa các nguồn lực là thế mạnh của Công ty, cũng như có khả năng khai thác và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường trong từng giai đoạn cụ thể.
- > Coi trọng việc xây dựng, duy trì văn hóa doanh nghiệp, xác định văn hóa doanh nghiệp là cái cốt lõi, nền tảng phát triển.
- > Không ngừng nâng cao thương hiệu doanh nghiệp; chú trọng đổi mới, sáng tạo để phát triển bền vững.
- > Xác định và thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng, xã hội thông qua việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên; thực hiện và vận động CB-CNVLD tích cực tham gia các hoạt động nhân văn, từ thiện, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Hoạt động chính trong ngành công nghiệp xây dựng và khai thác chế biến, những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ có tác động không nhỏ tới hoạt động của Công ty. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà ở và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh cầu về sản phẩm thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và thị phần tiêu thụ cho Công ty. Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất từ năm 2008 trở lại đây. Điều này cho thấy, những chính sách và giải pháp của Chính phủ trong những tháng cuối năm đã ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế, đưa kinh tế Việt Nam có những chuyển biến tích cực và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trước đó. Bên cạnh đó, khu vực công nghiệp và xây dựng,

ngành công nghiệp năm 2018 duy trì mức tăng trưởng khá với 8,79%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng với mức tăng 12,98%, tuy thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng các năm 2012-2016, đóng góp 2,55 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp khai khoáng tăng trưởng âm (giảm 3,11%), làm giảm 0,23 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế nhưng mức giảm đã được thu hẹp đáng kể so với mức giảm 7,1% của năm trước. Ngành xây dựng năm 2018 duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16%, cao hơn so với năm 2017 là 8,7%, đóng góp 0,65 điểm phần trăm.

Rủi ro lãi suất

Để phục vụ kinh doanh - đầu tư, BBCC cũng như các doanh nghiệp khác đều phải sử dụng vốn vay. Do đó, chi phí sử dụng vốn vay trở thành bộ phận quan trọng trong chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Khi lập kế hoạch kinh doanh cho các công trình xây lắp và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay chỉ là dự tính tại thời điểm lập kế hoạch. Mặc dù Công ty luôn có các khoản dự phòng bao gồm cả dự phòng khi thay đổi lãi suất, song có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất, dẫn đến trường hợp chi phí lãi vay vượt khỏi mức dự tính, đặc biệt khi lạm phát xảy ra, lãi suất có thể tăng bất ngờ. Do đó, những tính toán, dự kiến trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư có thể bị thay đổi.

Rủi ro tỷ giá

Mặc dù thị trường chủ yếu của BBCC là thị trường trong nước, tuy nhiên vẫn không tránh khỏi tác động của rủi ro tỷ giá. Rủi ro này xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng làm cho đồng nội tệ bị mất giá. Rủi ro về tỷ giá đối với BBCC xảy ra là do thực hiện các công trình sử dụng nguồn vốn từ nước ngoài hay do phải nhập nguyên vật liệu và thiết bị máy móc từ nước ngoài về để phục vụ thi công công trình. Đây là rủi ro bất khả kháng của các doanh nghiệp trong một nền kinh tế nhập siêu với tỷ lệ lớn.



Rủi ro lạm phát

Hoạt động của các doanh nghiệp luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu cho sản phẩm đầu ra của Công ty.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước. Trong đó, quý IV/2018, CPI tăng 0,6% so với quý trước và tăng 3,44% so với quý IV/2017 đạt dưới mức mà Nhà nước đã đề ra.

Năm 2018, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2018 là 3,54%. tăng 0,01% so với năm 2017, tuy nhiên vẫn dưới mức mà Nhà nước đã đặt ra. Lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) là 1,48% tăng so với năm 2017 là 1,41%.

Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí, mang lại nhiều lợi nhuận cho công ty trong những năm tới.

Rủi ro cạnh tranh

Theo số liệu thống kê năm 2018, trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh đã có 16,7 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 12,7%), tăng 4,4%; 16,2 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,3%), tăng 0,1%. Chính vì điều này, BBCC luôn quan tâm đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng của sản phẩm, khẳng định vị thế thương hiệu của BBCC, nâng cao tính cạnh tranh của Công ty với các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường.



Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Các sản phẩm vật liệu xây dựng và các máy móc thiết bị chuyên dụng trong ngành có giá đầu vào tăng cao trong năm qua, ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí cũng như doanh thu của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và BBCC nói riêng.

Bên cạnh đó, chi phí đền bù mở rộng vùng nguyên liệu tăng cao, giá xăng dầu không ổn định (tăng nhiều hơn giảm) kéo theo chi phí vận chuyển của các doanh nghiệp khai khoáng, chế biến gia tăng một cách đáng kể. Không chỉ thế, năm qua lượng tồn kho nguyên vật liệu xây dựng còn ở mức cao, điều này sẽ đặt ra bài toán lớn cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng giải quyết trong thời gian tới.



Rủi ro môi trường

Lĩnh vực hoạt động của công ty là xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm chính tiêu biểu là các loại đá xây dựng. Tuy nhiên, hoạt động khai thác này lại ảnh hưởng một phần lớn đến môi trường như ô nhiễm không khí, đất, nước, cảnh quan sinh thái do bụi, các loại khí thải của phương tiện, máy móc và hoạt động khoan nổ mìn. Các yếu tố này tác động đến sức khỏe người lao động và các hệ dân sinh sống gần mỏ khai thác. Bên cạnh đó, đối với loại tài nguyên này yêu cầu nhiều về kỹ năng, trình độ lao động khi khai thác. Vì thế, các quy định về an toàn lao động cũng như quy định về cấp phép khai thác khoáng sản luôn được công ty chú trọng và thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, còn có rủi ro thiên tai, hỏa hoạn,... Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các rủi ro này không thể loại trừ nhưng có thể phòng ngừa. Vì thế, BBCC thường xuyên theo dõi để kịp thời xử lý và giải quyết vấn đề, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên của công ty.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- >> Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh
- >> Tổ chức nhân sự
- >> Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- >> Tình hình tài chính
- >> Cơ cấu cổ đông
- >> Báo cáo phát triển bền vững



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/2017	TH /KH 2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	986.108	897.168	978.243	99,20%	109%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	187.448	113.000	177.633	94,76%	157%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	150.085	90.400	141.764	94,46%	157%

Trải qua năm 2018 với nhiều biến động khó lường, BBCC tiếp tục đạt được những kết quả vượt bậc, theo đúng kỳ vọng, đã hoàn thành tốt các kế hoạch đã đặt ra.

Tuy nhiên, năm qua trong hoạt động sản xuất kinh doanh cả ba chỉ tiêu doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm nhẹ so với năm 2017. Cụ thể, doanh thu thuần từ 986 tỷ đồng năm 2017 giảm còn 978 tỷ đồng vào năm 2018. Lợi nhuận trước thuế giảm từ 187 tỷ xuống 178 tỷ, lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 150 tỷ giảm còn 142 tỷ năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc sản lượng đá tiêu thụ giảm, trong khi thuế tài nguyên, tiền cấp quyền, chi phí vận chuyển hàng hóa, giá xăng dầu, chi phí vật tư đầu vào tăng...



Cơ cấu doanh thu

KHOẢN MỤC	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Đất, đá	Triệu đồng	726.929	73,72%	696.008	71,15%
Xây dựng	Triệu đồng	4.980	0,50%	4.629	0,47%
Bán hàng hóa	Triệu đồng	205.689	20,86%	220.956	22,59%
Doanh thu khác	Triệu đồng	48.516	4,92%	56.650	5,79%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	986.114	100%	978.243	100%



Đất, đá

Xây dựng

Bán hàng hóa

Doanh thu khác

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán đất, đá; doanh thu từ xây dựng; doanh thu bán hàng và doanh thu khác. Bán đất, đá vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu với 71,15%, nhưng so với năm 2017 đã giảm từ 727 tỷ xuống 696 tỷ đồng. Mặc dù vậy, chỉ tiêu bán hàng hóa và doanh thu khác (gồm mua bán thiết bị cơ giới, trang trí nội thất, vật liệu xây dựng) tăng trong năm 2018 lần lượt là 221 tỷ và 57 tỷ đồng, chiếm 22,59% và 5,79% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Cơ cấu chi phí

KHOẢN MỤC	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	734.102	90,05%	761.349	92,73%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	136	0,02%	-	-
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	23.877	2,93%	15.034	1,83%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	55.240	6,78%	42.987	5,24%
Chi phí khác	Triệu đồng	1.826	0,22%	1.683	0,20%
Tổng cộng	Triệu đồng	815.181	100%	821.053	100%

Cơ cấu giá vốn

KHOẢN MỤC	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Đất, đá	Triệu đồng	508.395	69,25%	508.831	66,83%
Xây dựng	Triệu đồng	4.780	0,65%	4.427	0,58%
Bán hàng hóa	Triệu đồng	178.077	24,26%	201.686	26,49%
Giá vốn khác	Triệu đồng	42.850	5,84%	46.404	6,10%
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	734.102	100%	761.349	100%

Trong cơ cấu chi phí của BBCC, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là chi phí giá vốn, chiếm 92,73% tổng chi phí của Công ty. Trong năm 2018, giá vốn hàng bán tăng hơn 27 tỷ đồng so với năm 2017 đạt 761,349 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lại có sự sụt giảm, đạt lần lượt là 15,034 tỷ đồng và 42,987 tỷ đồng.

Trong cơ cấu giá vốn, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là đất, đá xây dựng với 66,83% trong năm vừa qua. Bên cạnh đó, khoản mục bán hàng hóa làm cho giá vốn tăng thêm. Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng cũng tăng dẫn đến tỷ trọng tăng từ 24,26% năm 2017 lên 26,49% trong năm 2018. Điều này cho thấy Công ty đang đi đúng định hướng với lĩnh vực kinh doanh chính là bán đất, đá, vật liệu xây dựng và thiết bị, phụ tùng cơ giới.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	10.132.040	21,56%
2	Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	3.339.440	7,11%
3	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám Đốc	53.940	0,11%
4	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế Toán Trưởng	3.355.240	7,14%



Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Ông Huỳnh Kim Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	
Năm sinh	15/02/1973
Nơi sinh	Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh; Cử nhân Kế Toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	55.040 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	10.077.000 cổ phiếu
Ông Hứa Hồ Điệp – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	
Năm sinh	28/01/1960
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân khoa học Quản Trị Kinh Doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	39.440 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	3.300.000 cổ phiếu
Ông Nguyễn Xuân Việt – Phó Giám Đốc	
Năm sinh	31/07/1962
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh, Kỹ sư Cơ khí ô tô
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	53.940 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên HĐQT kiêm Kế Toán Trưởng	
Năm sinh	30/01/1969
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài Chính Doanh Nghiệp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	55.240 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	3.300.000 cổ phiếu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	11.748.774	24,99%
2	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm GD	10.132.040	21,56%
3	Trần Thị Thùy Lan	Thành viên HĐQT	4.500.000	9,57%
4	Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	3.339.440	7,11%
5	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	3.355.240	7,14%

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản

Ông Huỳnh Kim Vũ - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Xem phần sơ yếu lý lịch Ban Điều hành)

Ông Hứa Hồ Điệp - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (Xem phần sơ yếu lý lịch Ban Điều hành)

Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (Xem phần sơ yếu lý lịch Ban Điều hành)

Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	24/06/1972
Nơi sinh	Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	48.774 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	11.700.000 cổ phiếu

Bà Trần Thị Thùy Lan - Thành viên HĐQT

Năm sinh	13/10/1976
Nơi sinh	Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Khoa học ngành Giáo dục
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	4.500.000 cổ phiếu

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát	36.540	0,078%
2	Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên Ban kiểm soát	3.300.000	7,02%
3	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	29.640	0,063%

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm

Ông Huỳnh Đường Tài – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	06/08/1975
Nơi sinh	Long An
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	36.540 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Bà Huỳnh Huy Anh Thư – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	10/01/1981
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	3.300.000 cổ phiếu

Bà Nguyễn Thị Thuận Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	14/09/1976
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	29.640 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Giới tính	724	100%
1	Nam	628	86,74%
2	Nữ	96	13,26%
II	Trình độ	724	100%
1	Đại học, Cao đẳng	157	21,69%
2	Trung cấp	33	4,56%
3	Lao động đã qua đào tạo	468	64,64%
4	Lao động phổ thông	66	9,12%
III	Theo độ tuổi	724	100%
1	Dưới 36 tuổi	120	16,57%
2	Từ 36 đến 45 tuổi	303	41,85%
3	Từ 46 đến 55 tuổi	249	34,39%
4	Trên 55 tuổi	52	7,18%

Chính sách đối với người lao động

Chính sách lương - thưởng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Đồng/Người/Tháng	11.800.000	11.860.000	11.900.000

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề kinh doanh và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ theo trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên. Từ đó, khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất, góp phần xây dựng và phát triển công ty hơn nữa. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích nhân viên giỏi, thu hút lao động có trình độ, năng lực từ nhiều khu vực khác nhau.

Để động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ hoặc thưởng đột xuất cho những nhân viên có đóng góp tích cực, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Chính sách tuyển dụng

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, Công ty đã ban hành thủ tục tuyển dụng số OA002; Cán bộ - công nhân viên được tuyển dụng phải có trình độ, kinh nghiệm, năng lực công tác đáp ứng phù hợp yêu cầu, vị trí cần tuyển. Mặt khác, tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

Công nhân trực tiếp sản xuất được đào tạo và tập huấn định kỳ theo đúng chuyên môn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn từng công việc theo yêu cầu của Công ty và quy định của pháp luật về lao động. Cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn hạn để cập nhật kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao chuyên môn.

Chính sách phúc lợi

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của người lao động khi nghỉ hưu, ốm đau, thai sản. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức ăn giữa ca, thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ lần 1, lần 2 (đối với những người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm), khám bệnh nghề nghiệp, khám chuyên khoa nữ, cấp thuốc điều trị tại chỗ, trợ cấp thôi việc, hưu trí, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, ... Hằng năm, Công ty định kỳ tổ chức cho CB - CNV lao động đi tham quan nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể.

Ngoài ra, Công đoàn phối hợp cùng Liên Chi đoàn Công ty tổ chức tặng quà, tuyên dương gương con cán bộ, công nhân viên "Học giỏi, sống tốt" nhân dịp tổng kết niên học, tết Trung thu, quốc tế thiếu nhi 1/6, thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình chính sách, các học sinh nghèo, khó khăn, cơ nhỡ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhân dịp tết Nguyên đán. Các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự gắn bó, đoàn kết giữa các nhân viên trong Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Khoản mục	Mô tả	Mục đích	Qui mô	Thời hạn thực hiện	Tổng đầu tư (Tỷ đồng)
1	Đầu tư xe tải ben tự đổ loại 4 trục	Sản xuất năm 2017, hàng mới 100%	Thay thế các xe tải ben hết niên hạn sử dụng xin thanh lý.	12 chiếc	Tháng 02/2018 đến tháng 04/2018	14.605
2	Đầu tư xe bồn tưới nước chuyên dụng	Dung tích bồn 16 - 18 m ³ , sản xuất năm 2018, mới 100%	Thay thế các xe tải gác bồn tưới nước giảm bụi hết niên hạn sử dụng xin thanh lý	3 chiếc	Tháng 02/2018 đến tháng 06/2018	3.872
3	Di dời, sửa chữa nâng cấp máy nghiền sàng đá (số 5)	Công suất từ 250 tấn/giờ lên 350 tấn/giờ tại mỏ đá Tân Cang 1 - Xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Tăng cường năng lực sản xuất sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá Tân Cang 1	1 máy	Tháng 09/2017 đến tháng 03/2018	13.845
4	Di dời, sửa chữa nâng cấp máy nghiền sàng đá (số 3)	Công suất từ 250 tấn/giờ lên 350 tấn/giờ tại mỏ đá Tân Cang 1 - Xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Tăng cường năng lực sản xuất sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá Tân Cang 1	1 máy	Tháng 05/2018 đến tháng 10/2018	11.268
Tổng cộng				17		43.590



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

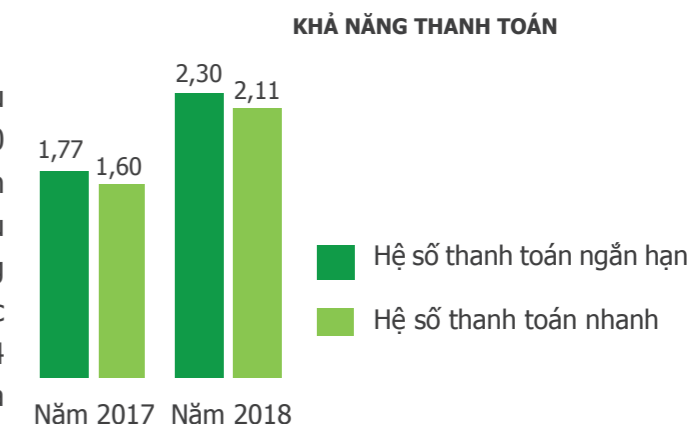
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	693.696	754.847	8,82%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	986.108	978.243	(0,80%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	185.795	173.899	(6,40%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.652	3.734	126,03%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	187.448	177.633	(5,24%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	150.085	141.764	(5,54%)
EPS	Đồng	2.440	2.287	(6,27%)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,77	2,30
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,60	2,11
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	22,16	20,78
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,46	26,23
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,95	27,71
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,42	1,30
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	15,22	14,49
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	27,79	23,71
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	21,64	18,78
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	18,84	17,78

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn của Công ty đều tăng trong năm 2018. Hệ số thanh toán nhanh từ 1,60 lần tăng lên 2,11 lần. Tương tự, hệ số thanh toán ngắn hạn từ 1,77 lần lên 2,30 lần. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng. Trong đó, các khoản tương đương tiền tăng từ 115,8 tỷ lên hơn 248 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn cũng tăng 70,13% đạt 40,14 tỷ đồng. Điều này cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán của mình.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

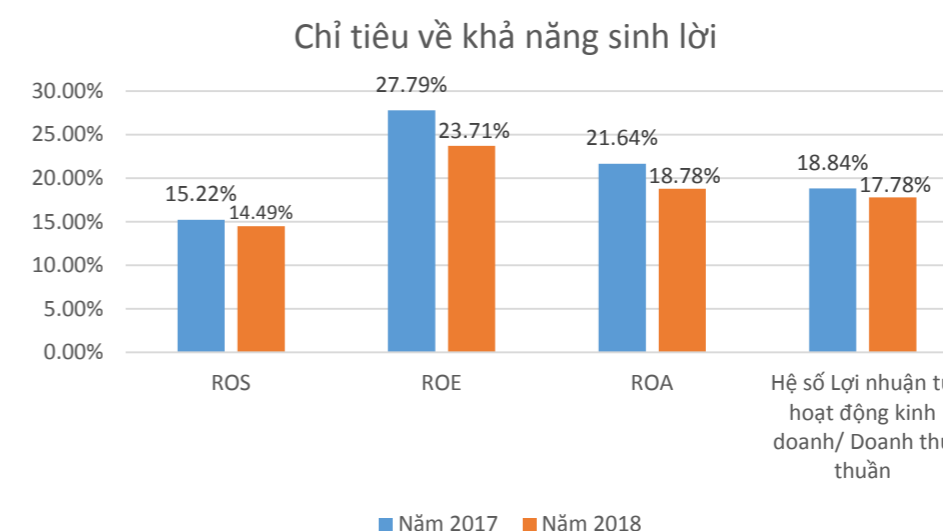
Công ty sử dụng phần lớn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn của mình, từ đó làm giảm khả năng rủi ro tài chính trong quá trình hoạt động. Trong cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn. Dù nợ phải trả năm 2018 tăng nhẹ so với năm 2017 nhưng hai chỉ tiêu nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu giảm trong năm qua, nguyên nhân là do tốc độ tăng của nợ nhỏ hơn tốc độ tăng của tổng tài sản. Cụ thể, tổng tài sản từ 694 tỷ đồng năm 2017 lên 755 tỷ đồng vào năm 2018 và vốn chủ sở hữu từ 540 tỷ tăng lên 598 tỷ, tăng 10,74%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2018 vừa qua, doanh thu thuần của Công ty giảm trong khi tổng tài sản lại tăng hơn 60 tỷ đồng so với năm 2017 dẫn đến hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ từ 1,42 vòng xuống 1,3 vòng. Trong khi đó, giá vốn hàng bán năm 2018 tăng hơn 27 tỷ đồng so với năm 2017, hàng tồn kho tăng từ 26 tỷ lên 29 tỷ dẫn đến hệ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng từ 13,95 vòng lên 27,71 vòng, tăng 14 vòng so với năm 2017.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty năm 2018 đều giảm so với năm 2017. Nguyên nhân là do doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm. Cụ thể hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần giảm còn 14,49%, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu là 23,71%, hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản là 18,78% và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần là 17,78%. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định, luôn có những kế hoạch để phát triển bền vững trong tương lai.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

- Vốn điều lệ: 470.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 47.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu thường: 47.000.000 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 46.892.800 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 107.200 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/09/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông trong nước	791	47.000.000	100%
	- Nhà nước	1	31.677.000	67,4%
	- Tổ Chức	3	4.620.600	9,8%
	- Cá nhân	787	10.702.400	22,8%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng		791	47.000.000	100%

Danh sách các cổ đông lớn

Tên tổ chức/Cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai – MTV Công ty TNHH	3600253505	Số 833A, xa lộ Hà Nội, KP 1, P. Long Bình Tân, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	31.677.000	67,4%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	0303898093	362/14 đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	4.500.000	9,57%
Tổng cộng			36.177.000	76,97%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP) nâng vốn điều lệ lên thành 470.000.000.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tổng số lượng cổ phiếu quỹ tại 26/7/2018: 107.200 cổ phiếu

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2018

Số lượng mua	Ngày hiệu lực chuyển quyền	Giá giao dịch bình quân	Đối tượng giao dịch
30.200	26/07/2018	17.100 VND	Mua lại CP ưu đãi của cán bộ công nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến áp dụng vào khai thác nhằm giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường và sức khỏe con người. Cụ thể, trong năm qua, Công ty đã đầu tư số tiền là 3,872 tỷ đồng để mua ba xe bồn tưới nước chuyên dụng với dung tích mỗi bồn là 16 – 18 m³ nhằm thay thế các xe đã hết niên hạn sử dụng; thực hiện sửa chữa, nâng cấp, bê tông hóa các đường nội bộ, bến thủy nội địa, các đoạn đẩu nối ra đường tỉnh lộ, đường liên xã, lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe tại các mỏ đá, bến thủy trực thuộc v.v.. để tăng cường công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu của UBND tỉnh và phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Địa bàn khai thác của BBCC hiện nay tại xã Phước Tân, Thạnh Phú, Thiện Tân và xã Quang Trung, thuộc ngoại ô Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu và Thống Nhất.



Xí nghiệp khai thác Đá:

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1, mỏ đá Thiện Tân 2 và các mỏ đá khác (nếu có).
- Văn phòng giao dịch: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.396.6424
- Fax: 0251.396.6424
- Các mỏ đá:

> Công trường khai thác đá Thạnh Phú, điện thoại: 0251.396.6424

Địa chỉ: xã Thạnh Phú và xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

> Bến thủy nội địa Thạnh Phú, điện thoại: 0251.861.5979

> Công trường khai thác đá Thiện Tân, điện thoại: 0251.397.1877

Địa chỉ: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

> Bến thủy nội địa Thiện Tân, điện thoại: 0251.386.5802

- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại,....



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xí nghiệp khai thác Đá Soklu:

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Soklu 2 và mỏ Soklu 5.
 - Văn phòng giao dịch: ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.
 - Điện thoại: 0251.386.7582
 - Fax: 0251.376.4225
 - Các mỏ đá:
 - > Công trường khai thác đá Soklu 2.
- Địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- > Công trường khai thác đá Soklu 5.
- Địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
 - Sản phẩm đất: Đất san lấp,....

Xí nghiệp khai thác Đá Tân Cang:

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Tân Cang 1.
- Văn phòng giao dịch: ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3850251
- Fax: 0251.3850251
- Công trường khai thác đá Tân Cang, điện thoại: 0251.8838056
- Địa chỉ: ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại,....





Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, Công ty luôn ý thức về những tác động ảnh hưởng đến môi trường sống, đến cộng đồng dân cư, xã hội do các hoạt động khai thác, sản xuất kinh doanh tạo ra. Vì vậy, Công ty luôn đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với từng mỏ đá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. BBCC tự hào là doanh nghiệp đi đầu, được UBND tỉnh Đồng Nai chọn là đơn vị điểm để nhân rộng việc áp dụng các biện pháp, giải pháp về bảo vệ môi trường đã và đang thực thực hiện. Công ty xác định đây là trách nhiệm mà doanh nghiệp phải luôn tuân thủ nghiêm và tổ chức thực hiện ngày một tốt hơn.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty duy trì tham gia tích cực các chương trình, công tác xã hội, tình nguyện, thiện nguyện hướng về cuộc sống cộng đồng như: duy trì thăm hỏi, trợ cấp hàng tháng đối với những gia đình chính sách mà doanh nghiệp nhận phụng dưỡng (bắt đầu từ năm 1998, Công ty nhận phụng dưỡng 10 đối tượng thuộc diện chính sách, đến nay còn 03); thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà cho Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, người già neo đơn, vô gia cư, các xã, địa phương, đơn vị có điều kiện còn khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán; ủng hộ tập, sách cho các cháu học sinh thuộc các địa bàn khó khăn nhân dịp đầu năm học mới; ủng hộ kinh phí đóng góp xây dựng bê tông hóa, xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường Tân Hiến, ĐT768 - nơi mỏ Thiện Tân 2 và Thạnh Phú 1 thuộc BBCC đang hoạt động; hay đóng góp vào các quỹ xây dựng, phát triển địa phương, hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày hội hướng nghiệp và việc làm của học sinh, sinh viên tỉnh nhà; và nhiều chương trình thiện nguyện khác đã tạo sự lan tỏa, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà Công ty cũng như của CB-CNV BBCC đã và đang duy trì thực hiện thường xuyên, thiết thực, hiệu quả vì cộng đồng.



Tiết kiệm năng lượng

Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp tiết kiệm nhiên liệu một mặt cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mặt khác góp phần bảo vệ môi trường. Cụ thể: Công ty lựa chọn mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu; xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; thường xuyên đánh giá và tổ chức định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại máy móc thiết bị phù hợp từng điều kiện hoạt động khai thác.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn quan tâm đến việc làm, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống của người lao động, thu nhập bình quân của nhân viên trong năm nay là 11.900.000 đồng/người/tháng.

Công ty luôn duy trì văn hóa doanh nghiệp như:

- Văn hóa của niềm tin bền vững: CB-CNV lao động luôn nêu cao ý thức về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong sự gắn kết thành một tập thể thống nhất, không ngừng phát huy sức mạnh nội lực để vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cấp trên giao.
- Văn hóa làm việc: BBCC luôn tạo môi trường làm việc hòa đồng, công bằng và bình đẳng, xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng thuận, gắn kết từ cấp lãnh đạo đến người công nhân trực tiếp sản xuất.
- Văn hóa kinh doanh: xây dựng nâng cao hình ảnh, thương hiệu BBCC với chất lượng, giá cả sản phẩm, cung cách phục vụ, lắng nghe, kịp thời phản hồi thông tin với khách hàng và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG



Năm 2018 – năm thứ ba Công ty chuyển đổi cơ cấu và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, với nhiều vấn đề mới phát sinh về pháp lý và phương thức quản trị doanh nghiệp tiếp tục cần phải bổ sung, hoàn thiện, nhất là đối với công ty đại chúng quy mô lớn như BCC; cộng với nhiều yếu tố khó khăn, thách thức liên tục tác động, làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất - kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với quyết tâm và sự nỗ lực to lớn của toàn đơn vị, năm 2018 BBCC tiếp tục đạt được những kết quả vượt bậc, theo đúng kỳ vọng, niềm tin mà Lãnh đạo Tổng Công ty đã phát biểu tại buổi tổng kết BBCC năm 2017.

Điểm lại tình hình trong năm qua, yếu tố khó khăn nổi bật là do những điều chỉnh về chính sách vĩ mô như: khung thuế tài nguyên, giá điện được điều chỉnh tăng so với năm 2017; nhiều công trình trọng điểm cấp quốc gia tại khu vực miền Đông và Tây Nam bộ như: đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, Dầu Giây - Phan Thiết và Mỹ Thuận - Cần Thơ chưa được triển khai, tuyến Trung Lương - Mỹ Thuận được khởi động nhưng tiến độ thi công rất chậm do khó khăn về

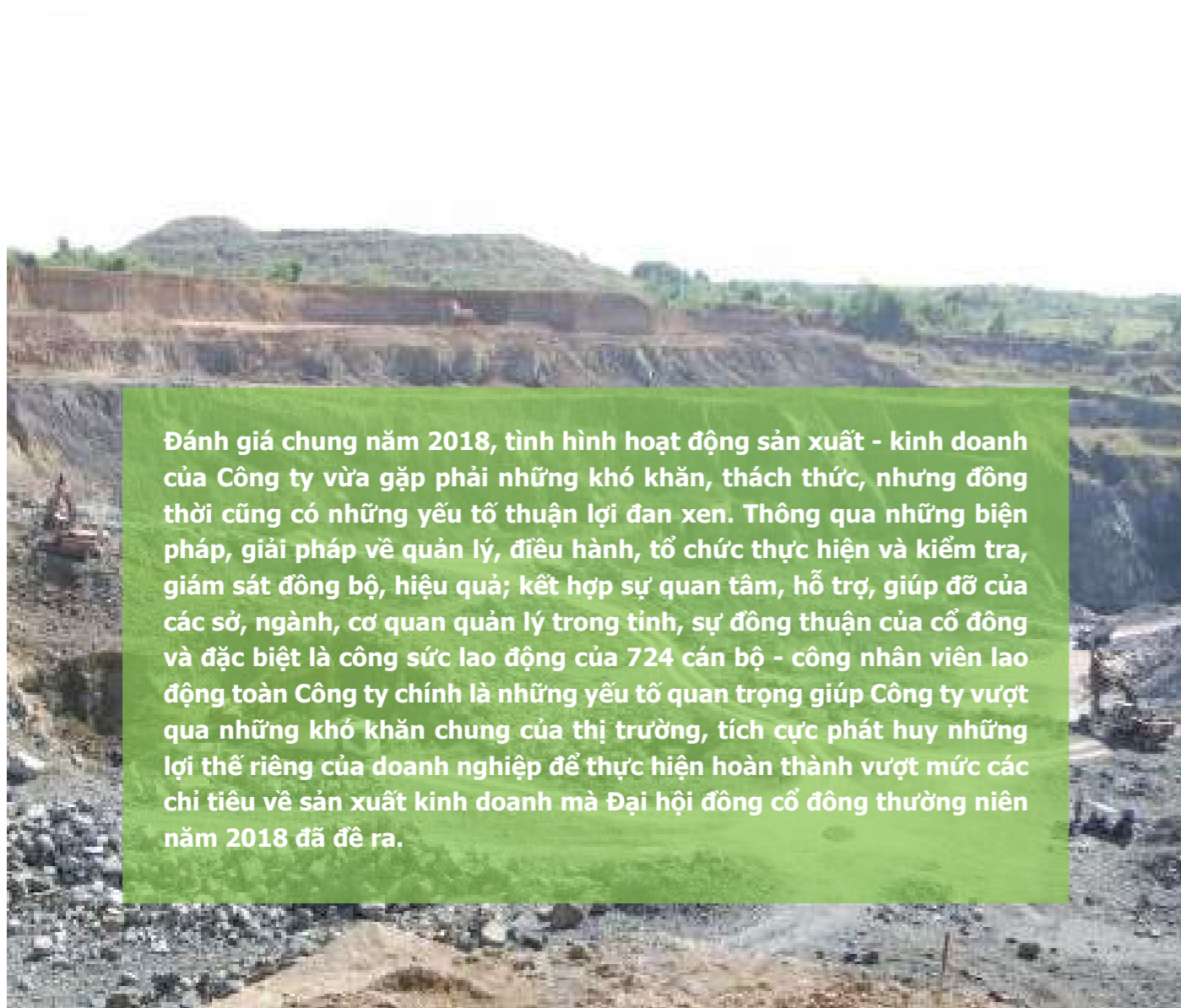
vốn; một số dự án BT, BOT khác tại địa bàn, khu vực là thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ lực của BBCC cũng tạm dừng chờ rà soát, chỉ đạo của bộ, ngành trung ương... nhu cầu thị trường giảm, trong khi chi phí đầu vào có xu hướng ngày càng tăng, từ đó cạnh tranh về giá bán sản phẩm giữa các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề diễn ra hết sức quyết liệt (tổng sản lượng đá tiêu thụ năm 2018 của Công ty đạt 5.825.000m³, giảm 282.000m³ so với năm 2017). Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn thì Công ty cũng có những thuận lợi riêng về năng lực quản trị, năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh, năng lực máy móc thiết bị, trữ lượng mỏ dồi dào, nguồn tài chính vững mạnh, chất lượng sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp ngày càng được khẳng định trên thị trường; cộng với đội ngũ cán bộ - công nhân viên lao động nhiều kinh nghiệm, cần cù, sáng tạo, tâm huyết với nghề... chính là những lợi thế quan trọng trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện thắng lợi những mục tiêu, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung và dài hạn của BBCC.

03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- >> Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- >> Tình hình tài chính
- >> Những cải tiến trong năm
- >> Kế hoạch phát triển trong tương lai
- >> Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội





Đánh giá chung năm 2018, tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty vừa gặp phải những khó khăn, thách thức, nhưng đồng thời cũng có những yếu tố thuận lợi đan xen. Thông qua những biện pháp, giải pháp về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đồng bộ, hiệu quả; kết hợp sự quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ của các sở, ngành, cơ quan quản lý trong tỉnh, sự đồng thuận của cổ đông và đặc biệt là công sức lao động của 724 cán bộ - công nhân viên lao động toàn Công ty chính là những yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua những khó khăn chung của thị trường, tích cực phát huy những lợi thế riêng của doanh nghiệp để thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra.

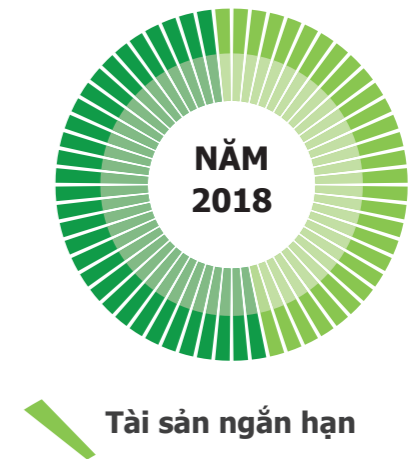
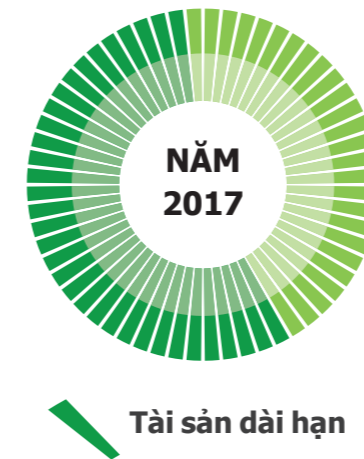
Khoản mục	ĐVT	KH 2018	TH 2018	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	Triệu đồng	897.168	978.243	109%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	113.000	177.633	157%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	90.400	141.764	157%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Khoản mục	ĐVT	2017	2018	Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	272.453	360.128	32,18%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	421.243	394.718	(6,30)%
Tổng tài sản	Triệu đồng	693.696	754.846	8,82%

Tổng tài sản năm 2018 tăng 8,82% so với năm 2017, từ 694 tỷ đồng lên 755 tỷ đồng, chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng hơn 88 tỷ đồng. Tuy nhiên, tài sản dài hạn lại giảm 6,3% từ 421 tỷ đồng còn 395 tỷ đồng. Việc giảm trong tài sản dài hạn chủ yếu do giảm thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Khoản mục	ĐVT	2017	2018	Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	153.702	156.856	2,05%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	153.702	156.856	2,05%

Nợ phải trả của Công ty hình thành từ nợ ngắn hạn. Công ty không có khoản vay dài hạn đảm bảo cho Công ty luôn ổn định để quản lý và kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra.

Tổng nợ của BBCC tăng nhẹ hơn 3 tỷ đồng tương đương với 2,05% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản thuế phải nộp tăng dẫn đến nợ phải trả của công ty tăng lên. Tuy nhiên, khoản tăng này không làm ảnh hưởng nhiều đến tình hình hoạt động của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

BBCC đã thực hiện chính sách tinh gọn lao động nhưng không làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đầu năm, Công ty có 746 cán bộ công nhân viên, đến cuối năm 2018, số lượng đã giảm còn 724 cán bộ nhân viên.

Di dời để sửa chữa nâng cấp 2 máy nghiền sàng đá số 3 và số 5 tại mỏ đá Tân Cang 1 để tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh tại mỏ đá. Ngoài ra, BBCC còn đầu tư mua mới 12 xe tải ben tự đổ và 3 xe bồn tưới nước để thay thế cho các máy móc đã cũ hết hạn sử dụng. Điều này cho thấy Công ty đang cố gắng cải tiến máy móc thiết bị để đầu tư hiệu quả hơn và đem lại lợi nhuận cao hơn ở năm 2019.

Ngoài ra, từ tháng 10/2018 BBCC đã sử dụng hóa đơn điện tử thay cho hóa đơn giấy.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Sản xuất, tiêu thụ đá	m ³	5.900.000
2	Doanh thu, trong đó:		1.048.197.012.000
	Tiêu thụ sản phẩm đá		801.197.012.000
	Kinh doanh VLXD	Đồng	102.000.000.000
	Dịch vụ vận tải và cơ giới Giao thông và xây dựng		40.000.000.000 105.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	122.000.000.000

Thuận lợi

- BBCC đã có kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng. Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng trong nước.
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Đảng ủy – Hội đồng thành viên – Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, sự đồng thuận của Quý cổ đông .v.v.. chính là động lực, nền tảng để BBCC ngày càng phát triển hơn.
- Đội ngũ nhân sự chất lượng, nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với sự phát triển của BBCC; có truyền thống đoàn kết, vượt khó, tinh thần làm việc chủ động, cần cù, sáng tạo.
- Sản phẩm đá xây dựng của BBCC được đánh giá là có chất lượng tốt, năng lực sản xuất lớn, hệ thống quản lý chất lượng luôn được duy trì và cải tiến liên tục. Vì vậy luôn được nhiều chủ đầu tư ưu tiên lựa chọn.

Khó khăn

- Tình hình thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.
- Giá cả vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế, giá nguyên liệu đầu vào luôn biến động, tăng nhiều hơn giảm gây khó khăn cho BBCC trong quá trình lập chi phí.
- Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo. Do đó, Nhà nước có xu hướng tăng cường công tác quản lý nhằm sử dụng hợp lý bằng cách thông qua các chính sách tài chính như tăng thuế, phí...
- Tình hình kinh tế biến động, giá cả các nhiên liệu, nguyên vật liệu (xăng dầu, điện), máy móc thiết bị tăng cao cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Biến động thời tiết cũng ảnh hưởng đến quá trình khai thác và chế biến đá xây dựng.
- Tình hình nợ công cao, việc giải ngân vốn ODA cho các dự án lớn trong thời gian qua chậm, nguồn vốn cho các dự án mới gặp nhiều khó khăn, trong khi năng lực sản xuất của BBCC là rất lớn, tổng công suất của các mỏ đá trực thuộc bình quân trên 20.000m³/ngày; khi đầu tư công của Nhà nước gặp khó khăn sẽ tác động và ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của BBCC.

- Phần lớn các máy móc, thiết bị đã xuống cấp do đầu tư trên 10 năm, nên thường xuyên hư hỏng, làm ảnh hưởng đến năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Mặt khác, việc đền bù phần diện tích còn lại tại các mỏ đá: Tân Cang 1 (2,4ha), Thiện Tân 2 và Thạnh Phú 1 gặp rất nhiều khó khăn do người dân đẩy giá lên rất cao, cộng với hồ sơ đất, giấy tờ sở hữu liên quan một số thửa đất có sự khác biệt về diện tích so với thực tế, hoặc chưa hoàn chỉnh để Công ty có thể tiến hành thương lượng, đền bù; thủ tục xin mở rộng diện tích khai thác tại mỏ đá Soklu2, Soklu5 rất khó khăn và mất rất nhiều thời gian, trong khi trữ lượng và thời gian khai thác còn lại tại 02 mỏ này là rất ít (chỉ khoảng 06 năm).

Các biện pháp thực hiện

Do Công ty hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau, nên tùy thuộc vào từng lĩnh vực mà BBCC có những chính sách riêng:

- Khai thác, chế biến và kinh doanh đá xây dựng:
 - Sản xuất ra nhiều loại sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, công trình.
 - Tiếp tục khai thác tối đa lợi thế về giao thông đường thủy: bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên các bến thủy nội địa để phục vụ giao nhận hàng cho khách hàng.
 - Không ngừng hoàn thiện phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh hợp lý, tập trung nhân lực, máy móc thiết bị, vốn phục vụ khai thác chế biến đá xây dựng đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng:
 - Đưa sản phẩm trực tiếp từ khâu sản xuất đến tiêu dùng và giảm dần khối lượng đá mua bán qua khách hàng trung gian nhằm đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
 - Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của khách hàng để giúp Công ty BBCC nhận biết chính xác nhu cầu, thị hiếu khách hàng và đưa ra chính sách kinh doanh hợp lý.
 - Mở rộng kinh doanh, cung ứng các loại vật liệu xây dựng chủ yếu như cát xây dựng, xi măng, sắt, thép...
 - Quản lý và khai thác tốt Bến thủy nội địa Phù Sa làm bãi chứa cát, đá và trang bị hệ thống sàng cát tự động, cầu cạp cung cấp cho thị trường khu vực TP.Biên Hòa và các tỉnh lân cận; cho thuê bãi bốc dỡ hàng hóa của các doanh nghiệp tại địa phương.
- Thi công các công trình cầu đường, xây dựng:

Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng thuộc BBCC có đội ngũ kỹ sư tư vấn, thiết kế lâu năm và nhiều kinh nghiệm trong việc đưa ra giải pháp thiết kế, thi công công trình. Đồng thời, do Công ty hoàn toàn chủ động trong việc cung cấp đá, vật liệu xây dựng các loại nên khi thi công công trình sẽ tiết kiệm được chi phí, thời gian và rút ngắn tiến độ thi công so các nhà thầu khác.

 - Quản lý tốt việc thực hiện các hợp đồng thi công, chú trọng đến chất lượng, tiến độ thi công và lập hồ sơ thanh quyết toán công trình.



BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Kinh doanh dịch vụ vận tải và thi công cơ giới:
Hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác đá xây dựng của các đơn vị nội bộ và khách hàng bên ngoài khi có nhu cầu.
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị (nội bộ):
Phát huy vai trò là đơn vị chủ lực trong việc bảo dưỡng, sửa chữa trong nội bộ công ty, vì hiện nay Công ty đã đầu tư hàng trăm máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành khai thác đá tại các mỏ và trong quá trình sử dụng, máy móc thiết bị bị hư hỏng cần phải được sửa chữa để kịp thời đưa vào hoạt động sản xuất.
- Kế hoạch marketing quảng bá thương hiệu:
 - Tiếp tục quảng bá và khẳng định thương hiệu BBCC thông qua việc sản xuất ra sản phẩm đá có chất lượng tốt, khối lượng lớn và đa dạng về chủng loại sản phẩm cung cấp cho khách hàng.
 - Lấy thế mạnh vượt trội về đội ngũ con người có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng, hệ thống thiết bị chuyên ngành đồng bộ... là lợi thế cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.
 - Duy trì quan hệ tốt và đẩy mạnh công tác marketing với các chủ đầu tư, các tỉnh, thành phố để nắm bắt kịp thời nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trong khu vực.
- Nghiên cứu khoa học và công nghệ:
 - Kịp thời ứng dụng những công nghệ mới phục vụ chuyên ngành khai thác và chế biến đá xây dựng.
 - Ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường để ứng dụng trong sản xuất hạn chế ô nhiễm môi trường trong khai thác và chế biến đá xây dựng.
 - Xây dựng hệ thống phần mềm trong quản trị, quản lý tổng thể doanh nghiệp nhằm ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các nghiệp vụ của công ty, các Xí nghiệp trực thuộc; sử dụng mạng thông tin nội bộ trong toàn hệ thống công ty nhằm quản lý kinh doanh hiệu quả, an toàn, nhanh chóng và chính xác; sử dụng có hiệu quả những thành tựu về công nghệ thông tin để thu thập thông tin và quảng bá hình ảnh công ty.

Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả các bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay. Mỗi năm, BBCC đều tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi du lịch, thăm quan, nghỉ dưỡng.... Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty trích quỹ và vận động cán bộ công nhân viên đóng góp vào quỹ địa phương, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các đợt công tác xã hội; ủng hộ giúp đỡ người dân vùng đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt, xây nhà tình nghĩa, cầu đường, giao thông nông thôn, nuôi dưỡng mẹ VNAH, ủng hộ quỹ khuyến học, ...



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- >> Về các mặt hoạt động của Công ty
- >> Về hoạt động của Ban Giám Đốc
- >> Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết và tình hình thực tế của Công ty để đề ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp và kịp thời. Hội đồng quản trị đã tổ chức các buổi họp để chỉ đạo và quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp và lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc chức trách của Hội đồng quản trị trong thời gian nhanh nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, áp dụng các quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và chỉ đạo xây dựng, cập nhật và sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2018. Trong năm vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều trở ngại từ môi trường tự nhiên cũng như là môi trường kinh tế - xã hội. Để đạt được kết quả kinh doanh khá tốt như vậy, các thành viên Ban giám đốc đã đặt nhiều nỗ lực, tâm huyết vào công tác điều hành và lãnh đạo tập thể cán bộ công nhân viên thực hiện kế hoạch kinh doanh. Các thành viên trong Ban Giám đốc phối hợp chặt chẽ với nhau và với các phòng ban trong thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị, tham mưu ý kiến từ Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề phát sinh. Sự phối hợp giữa Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra theo đúng định hướng và kế hoạch đã đặt ra. Mặt khác, Ban Giám đốc cũng rất quan tâm đến công tác chăm lo đời sống của người lao động trong Công ty, duy trì lực lượng lao động ổn định cho Công ty. Ban Giám đốc cũng tích cực tham gia và khuyến khích người lao động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ và đóng góp cho các hoạt động tình nguyện, hoạt động thiện nguyện.



CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019

Qua nhận định tình hình chung cho cả năm 2019, thị trường tiêu thụ sản phẩm đá dự báo sẽ khả quan hơn năm 2018. Tuy nhiên, do khó khăn chung về nguồn vốn, một số dự án lớn về hạ tầng giao thông, cùng các tuyến đường cao tốc khu vực miền Đông và Tây Nam bộ vẫn chưa được triển khai hoặc đẩy mạnh thi công; các dự án đầu tư theo hình thức BT, BOT vẫn đang trong giai đoạn kiểm tra, rà soát lại của Chính phủ và các bộ ngành có liên quan. Từ đó sẽ ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của Công ty. Vì vậy, Ban điều hành Công ty báo cáo và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.048,1
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	122
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	97,6
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	20,7
5	Cổ tức	%	Tối thiểu 15%/mệnh giá cổ phần

Các biện pháp hoàn thành kế hoạch

Để tổ chức thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nêu trên, Công ty xác định những biện pháp, giải pháp trọng tâm tiếp tục tập trung triển khai thực hiện trong năm 2019 như sau:

- **Một là**, tiếp tục phát huy hơn nữa các giải pháp đã thực hiện về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất kinh doanh, quản lý chất lượng, thương hiệu và công tác kỹ thuật, sửa chữa mà Công ty đã triển khai thực hiện và đạt kết quả tốt trong năm 2018.

- **Hai là**, tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm soát quá trình sản xuất- kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khâu bốc đất tầng phủ, khoan - nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v., đảm bảo cơ cấu giá thành sản phẩm hợp lý để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực; tiếp tục thanh lý những máy móc, thiết bị hết khấu hao, hoặc không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn, tái đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và sử dụng vốn đạt hiệu quả nhất. Đồng thời, thực hiện khai thác tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, hướng đến phát triển bền vững.



Song song đó, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm có liên quan như:

- Xem xét, lần lượt di dời 03 máy xay đá còn lại tại khu chế biến 1 sang khu chế biến 2 mỏ đá Tân Cang 1. Quá trình thực hiện phải đảm bảo khoa học, tiết kiệm chi phí và không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp.
 - Đánh giá năng lực máy móc, thiết bị toàn Công ty, thời gian, hiệu quả hoạt động, giá trị còn lại và nhu cầu sử dụng để tính toán phân kỳ thực hiện sửa chữa, nâng công suất (đối với các máy xay đá), hoặc đầu tư mới các xe, máy, thiết bị chủ lực khác một cách hợp lý nhằm đảm bảo năng lực phục vụ phát triển ổn định, bền vững của Công ty.
 - Tập trung đền bù hoàn chỉnh các phần mỏ còn lại.
- **Ba là**, tăng cường phát huy sự minh bạch trong tất cả các hoạt động của Công ty đại chúng quy mô lớn; tăng cường xây dựng niềm tin, cộng đồng trách nhiệm, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các cổ đông và người lao động Công ty. Tập thể lãnh đạo Công ty luôn lắng nghe, chia sẻ, gắn với tổ chức thực hiện tốt nhất các chế độ chính sách đối với người lao động trong điều kiện pháp luật cho phép và sự đồng thuận của cổ đông; nhưng đồng thời đòi hỏi mỗi cán bộ, công nhân viên lao động phải luôn nhất quán với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty, phải nỗ lực phấn đấu nhiều hơn, làm tốt hơn nữa và luôn giữ vững bản sắc, thương hiệu, tinh thần đoàn kết, vượt khó và sáng tạo trong lao động sản xuất kinh doanh. Có như thế người lao động BBCC sẽ luôn ổn định, là nguồn lực quan trọng không thể thay thế trong việc tạo nên những giá trị và thành công mới của BBCC đối với bất kỳ phương thức quản trị nào.

- **Bốn là**, Lãnh đạo các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc cần phối hợp với tổ chức Công đoàn đặc biệt quan tâm và triển khai thực hiện thật tốt các công tác về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ và công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức thực hiện nghiêm quy định "không an toàn, không sản xuất", "sản xuất phải an toàn", trong đó bộ phận chuyên trách an toàn lao động và lực lượng an toàn vệ sinh viên Công ty, Xí nghiệp phải nêu cao trách nhiệm cá nhân, tăng cường kiểm tra, giám sát thực tế để chấn chỉnh, nhắc nhở các bộ phận có liên quan chấp hành nghiêm các quy trình, quy phạm về nổ mìn, khai thác và chế biến đá, về vận hành, sửa chữa xe máy, thiết bị..., tất cả cùng chung nhận thức "an toàn lao động mỗi ngày" vừa là trách nhiệm, vừa là quyền lợi, hạnh phúc của bản thân và gia đình mỗi cán bộ, CNVLD Công ty.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- >> Hội đồng quản trị
- >> Ban kiểm soát
- >> Thủ lao và các giao dịch



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các buổi họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	8/8	100	
2	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên	8/8	100	
3	Trần Thị Thùy Lan	Thành viên	8/8	100	
4	Hứa Hồ Điệp	Thành viên	8/8	100	
5	Phạm Quốc Thái	Thành viên	8/8	100	

Các nghị quyết trong năm 2018

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
30/NQ-HĐQT	24/01/2018	- Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) - Phương án sử dụng vốn từ phát hành ESOP.
31/NQ-HĐQT	01/02/2018	- Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017. - Mua 02 (hai) container văn phòng loại 20 feet dùng làm nhà điều hành trạm cân tại khu chế biến 2 - mỏ đá Tân Cang 1. - Thanh lý tháo dỡ nhà điều hành trạm cân thành phẩm số 3 - mỏ đá Tân Cang 1. - Thanh lý 15 xe tải ben đã và sắp hết niên hạn sử dụng. - Thanh lý vật tư, phụ tùng thay thế sử dụng cho các xe tải xin thanh lý. - Đầu tư 12 xe tải ben 4 trục và 03 xe bồn nước 16-18m3 mới 100%. - Sửa chữa đoạn vượt nổi từ mỏ đá Thạnh Phú 1 giao với đường Tân Hiền (lề phải) bằng bê tông cốt thép mác 400, dày 30cm. - Chia Quỹ phúc lợi để mua cổ phiếu ESOP. - Kế hoạch khen thưởng năm 2017 (tết Mậu Tuất năm 2018) - Phê duyệt thang lương, bảng lương mới của Công ty. - Xem xét, cho chủ trương về việc áp dụng đơn giá sản phẩm dở dang.
32/NQ-HĐQT	12/02/2018	Điều chỉnh năm sản xuất (từ năm 2017 thành năm 2018) và giá trị đầu tư mua sắm 03 xe bồn nước 16-18m3, mới 100%.
33/NQ-HĐQT	01/3/2018	Thông qua phương án xử lý, phân phối lại số cổ phiếu ESOP do người lao động nghỉ việc, không có tên trong danh sách lao động tại thời điểm phát hành và cán bộ, công nhân viên lao động từ chối quyền mua.

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
34/NQ-HĐQT	01/3/2018	Thông nhất ý kiến về việc giao ông Nguyễn Xuân Việt - Phó Giám đốc Công ty, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty, kiêm nhiệm vụ Giám đốc Xí nghiệp Kỹ thuật - Sửa chữa.
36/NQ-HĐQT	19/3/2018	Thực hiện sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các vấn đề liên quan.
37A/NQ-HĐQT	26/3/2018	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
37B/NQ-HĐQT	26/3/2018	Xem xét, cho chủ trương về việc bổ nhiệm cán bộ.
38/NQ-HĐQT	02/4/2018	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
39A/NQ-HĐQT	27/4/2018	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
39B/NQ-HĐQT	27/4/2018	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi của người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết để làm cổ phiếu quỹ.
39C/NQ-HĐQT	27/4/2018	Phê duyệt, thông qua quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 của Người quản lý Công ty, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017; và thông qua việc điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Công ty.
39D/NQ-HĐQT	27/4/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh quý I và kế hoạch quý II năm 2018. - Sửa đổi Quy chế quản lý tài chính của Công ty. - Di dời, sửa chữa nâng cấp máy nghiền sàng đá số 3 tại mỏ đá Tân Cang 1. - Di dời tuyến thoát nước đến đường đê bao khu vực ấp 5, thay thế tuyến đường và mương thoát nước hiện hữu trong mỏ đá Thạnh Phú 1. - Hạn mức vay vốn năm 2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai. - Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. - Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2018 của Công ty. - Kế hoạch nghỉ mát năm 2018 của CB-CNVLĐ Công ty.
40/NQ-HĐQT	28/5/2018	Thông qua chủ trương mua máy gia công bê đai sắt cho Trung tâm Dịch vụ xây dựng và Vật liệu xây dựng và mua trụ bơm dầu cho Công trường Thạnh Phú - Xí nghiệp Khai thác Đá trực thuộc BBCC.
41A/NQ-HĐQT	05/6/2018	Thông qua chương trình, nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
41B/NQ-HĐQT	05/6/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, cho chủ trương về việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Xí nghiệp Khai thác đá Soklu. - Phân công Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
42/NQ-HĐQT	03/7/2018	Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền.
43/NQ-HĐQT	03/7/2018	Thay đổi, bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
44A/NQ-HĐQT	13/9/2018	Thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền.
44B/NQ-HĐQT	13/9/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh 08 tháng năm 2018. - Sửa đổi Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty. - Thanh lý tài sản và vật tư, phụ tùng kèm theo tài sản thanh lý; thanh lý vật tư, phụ tùng tồn kho lâu năm không sử dụng. - Đầu tư xe ô tô 07 chỗ, hiệu Toyota Fortuner
45/NQ-HĐQT	10/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương đầu tư, mua sắm thiết bị, mua sắm 01 container văn phòng, loại 20 feet để thay thế nhà điều hành trạm cân thành phẩm 1 - mỏ đá Thạnh Phú 1. - Thông qua chủ trương đầu tư, mua sắm thiết bị, đầu tư, lắp đặt máy xay đá 0x4, công suất 250 tấn/giờ, tại khu chế biến 1 - mỏ đá Tân Cang 1.
46/NQ-HĐQT	28/11/2018	Đổi tên Phòng Chuyên viên và Phòng Kế hoạch- Đầu tư - Chất lượng Công ty.
47/NQ-HĐQT	28/11/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất - kinh doanh 10 tháng năm 2018. - Đền bù, nhận chuyển nhượng 29.308,1 m2 đất để mở rộng khu vực khai thác tại mỏ đá Thiện Tân 2. - Đầu tư xe ô tô 07 chỗ, hiệu Toyota Fortuner. - Mua 01 (một) container văn phòng, loại 20 feet để thay thế nhà điều hành trạm cân thành phẩm 5 - mỏ đá Tân Cang 1. - Tạm nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho các hộ dân để sang tên Giấy chứng nhận QSDĐ và lập thủ tục thuê đất đối với 10 hộ đã thỏa thuận bồi thường trước đây, có Giấy chứng nhận QSDĐ tại mỏ đá Tân Cang 1. - Áp dụng hạn mức nợ năm 2019 đối với khách hàng truyền thống mua đá của Công ty.
48/NQ-HĐQT	28/12/2018	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi của người lao động nghỉ việc trước thời hạn để làm cổ phiếu quỹ.
49/NQ-HĐQT	28/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh tháng 11 năm 2018. - Nâng bậc lương năm 2019 đối với Người quản lý Công ty. - Xem xét, thông qua việc sửa đổi, điều chỉnh thang lương, bảng lương Công ty theo Nghị định 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. - Xem xét, cho chủ trương về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Khoáng sản và Chất lượng, bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty. - Xem xét, cho chủ trương về việc áp dụng đơn giá sản phẩm dở dang

BAN KIỂM SOÁT

Các quyết định trong năm 2018

Số Quyết định	Ngày	Nội dung
31/QĐ-HĐQT	08/01/2018	Thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng năm 2017 và xét nâng bậc lương năm 2018
32/QĐ-HĐQT	09/01/2018	Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người quản lý Công ty năm 2017
33/QĐ-HĐQT	10/01/2018	Tặng danh hiệu thi đua cho các thành viên là Người quản lý Công ty đạt thành tích trong phong trào thi đua yêu nước năm 2017
35/QĐ-HĐQT	09/3/2018	Phân phối lại số cổ phiếu ESOP chưa bán hết do người lao động nghỉ việc, không có tên trong danh sách lao động tại thời điểm phát hành và do cán bộ, công nhân viên lao động từ chối quyền mua
37/QĐ-HĐQT	26/3/2018	Tăng vốn điều lệ Công ty BBCC
38/QĐ-HĐQT	07/5/2018	Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty BBCC (sửa đổi lần I)
39/QĐ-HĐQT	03/7/2018	Thay đổi, bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty
40/QĐ-HĐQT	13/9/2018	Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty BBCC
41/QĐ-HĐQT	28/11/2018	Đổi tên Phòng Chuyên viên Công ty thành Phòng Khoáng sản và Chất lượng Công ty
42/QĐ-HĐQT	28/11/2018	Đổi tên Phòng kế hoạch - Đầu tư - Chất lượng Công ty thành Phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban	2/2	100	
2	Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên	2/2	100	
3	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên	2/2	100	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Kiểm tra, rà soát lại các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ đã ban hành; kiểm tra các tờ trình của Ban điều hành, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, năm 2018 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, góp ý kiến, chất vấn các nội dung được nêu ra trong các cuộc họp trên.
- Tiến hành kiểm tra thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Xí nghiệp trực thuộc.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT		881.280.000	88.000.000
Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	143.208.000		87.390.921
Trần Thị Thùy Lan	Thành viên HĐQT	143.208.000		75.000.000
Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc	143.208.000		75.000.000
Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	143.208.000		75.000.000
Ban kiểm soát				
Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát		528.768.000	45.000.000
Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên	107.406.000		35.000.000
Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên	71.604.000		25.000.000
Ban điều hành				
Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc		859.248.000	
Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc		716.040.000	
Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc		716.040.000	75.000.000
Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng		716.040.000	
Tổng cộng		751.842.000	4.417.416.000	580.390.921

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người nội bộ	Chức danh	Người liên quan	Quan hệ	Số CP SHĐK	Số CPGD	Số CPSHCK		Lý do tăng/giảm
						Số CP	Tỷ lệ	
Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch			-	48.774	48.774	0,104%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
Huỳnh Kim Vũ	TV HĐQT, GD			6.800	48.240	55.040	0,117%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
		Trần Thị Thanh Bình	Vợ	6.600	23.240	29.840	0,063%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
		Huỳnh Kim Trường	Em ruột	6.500	2.800	9.300	0,020%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
		Võ Thị Mỹ Phương	Em dâu	3.200	1.500	4.700	0,010%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
Hứa Hồ Điệp	TV HĐQT, PGĐ			5.800	33.640	39.440	0,084%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
Nguyễn Xuân Việt	PGĐ			5.700	48.240	53.940	0,115%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
Phạm Quốc Thái	TV HĐQT, KTT			7.000	48.240	55.240	0,118%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát			6.700	29.840	36.540	0,078%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
		Huỳnh Tiến Phong	Em ruột			2.800	0,006%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Kiểm soát viên (nhóm kiểm toán nội bộ)			6.400	23.240	29.640	0,063%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- >> Ý kiến kiểm toán
- >> Báo cáo tài chính kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600275107, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (0251) 3 859 358
- Fax : (0251) 3 859 917

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng	KP4, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Kỹ thuật sửa chữa	Tổ 12, ấp Ông Hoàng, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Khai thác đá	Tổ 12, ấp Ông Hoàng, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Khai thác đá Tân Cang	Tổ 93, Đường Bùi Hữu Nghĩa, ấp Tân Mỹ, KP 5, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Khai thác đá Soklu	Km 07, Quốc lộ 20, Ấp Nguyễn Huệ 2, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới	K4/79C, đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trung tâm Dịch vụ xây dựng và Vật liệu xây dựng	Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ngoài ra Công ty còn có các địa điểm kinh doanh sau:

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Bến thủy nội địa Thạnh Phú	Tổ 7, ấp Ông Hoàng, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Bến thủy nội địa Thiện Tân	Tổ 1, ấp 6-7, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Cảng vật liệu xây dựng I Ióa An (Bến Phù Sa)	Tổ 24, ấp 2, xã Tân Hạnh, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đại lý;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dụng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2017
Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Ông Hứa Hồ Điệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Bà Trần Thị Thùy Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Bà Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Hứa Hồ Điệp	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Phạm Quốc Thái	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

0044
ĐƠN
NHÌ
TOÁN
18
1-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2019





Head Office 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 ktw@a-c.com.vn

Branch in Hanoi 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 ktw.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3 876 555 Fax: 0258. 3 875 327 ktw.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 ktw.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0385/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Hoàng Yên

Nguyễn Hoàng Yên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		360.128.067.721	272.453.090.728
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	248.193.593.485	115.842.955.348
1. Tiền	111		106.193.593.485	10.842.955.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		142.000.000.000	105.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	96.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	40.000.000.000	96.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.135.943.963	23.591.798.152
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	23.908.038.285	18.523.077.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.600.812.909	2.247.229.317
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.627.092.769	2.821.491.618
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		28.843.037.582	26.099.105.212
1. Hàng tồn kho	141	V.7	29.045.259.838	26.322.466.003
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(202.222.256)	(223.360.791)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.955.492.691	10.919.232.016
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	2.955.492.691	10.919.232.016
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	394.718.475.496	421.243.122.629
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	26.390.419.347	25.293.411.021
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b 26.390.419.347	25.293.411.021
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	158.994.369.137	155.060.658.831
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8 158.721.990.565	154.702.608.831
- Nguyên giá	222	546.140.174.901	508.969.726.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(387.418.184.336)	(354.267.117.710)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9 272.378.572	358.050.000
- Nguyên giá	228	474.300.000	415.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(201.921.428)	(57.750.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	12.503.822.602
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10 -	12.503.822.602
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	209.333.687.012	228.385.230.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11 176.303.024.949	183.006.969.835
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12 33.030.662.063	45.378.260.340
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	754.846.543.217	693.096.213.357

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		156.856.388.399	153.702.280.772
I. Nợ ngắn hạn	310		156.856.388.399	153.702.280.772
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	25.002.047.540	20.001.723.289
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	29.196.753.633	12.980.329.291
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.389.792.363	7.981.328.825
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.955.281.970	19.093.291.847
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		90.000.000	90.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.566.325.821	1.877.450.982
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	81.656.187.072	91.678.156.538
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		597.990.154.818	539.993.932.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		597.990.154.818	539.993.932.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	470.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		470.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	21.270.787.461	7.070.787.461
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19	(1.833.120.000)	(1.316.700.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	20.743.781.056	50.089.404.259
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	87.808.706.301	34.150.440.865
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.675.645.555	34.150.440.865
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		85.133.060.746	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		754.846.543.217	693.696.213.357

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập

Phạm Quốc Thái
Kế toán trưởng

Huyền Kim Vũ
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	978.243.088.888	986.114.278.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.117.274
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		978.243.088.888	986.108.161.648
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	761.348.801.178	734.102.276.341
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		216.894.287.710	252.005.885.307
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.026.149.323	13.042.105.830
7. Chi phí tài chính	22		-	135.741.800
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	135.717.432
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	15.033.957.098	23.876.762.170
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	42.987.287.832	55.240.283.213
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		173.899.192.103	185.795.203.954
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.417.540.653	3.478.412.806
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.683.410.130	1.825.913.895
13. Lợi nhuận khác	40		3.734.130.523	1.652.498.911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.633.322.626	187.447.702.865
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	35.869.112.715	37.363.011.043
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		141.764.209.911	150.084.691.822
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	2.287	2.440
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	2.287	2.440

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập

Phạm Quốc Thái
Kế toán trưởng

Huyền Kim Vũ
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		177.633.322.626	187.447.702.865
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	42.202.297.327	39.599.480.522
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(21.138.535)	223.360.791
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(15.756.156.954)	(12.659.713.351)
- Chi phí lãi vay	06		-	135.717.432
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		204.058.324.464	214.746.548.259
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.714.157.812)	(15.766.822.730)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.624.804.442	7.467.972.038
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.752.451.610	(26.632.310.202)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.703.944.886	5.385.724.496
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(135.717.432)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(33.445.487.232)	(47.135.913.793)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	42.010.000	92.176.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(45.430.497.144)	(11.852.041.935)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		142.591.393.214	126.169.614.701
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(34.366.385.400)	(27.787.712.097)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.464.208.000	621.781.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(68.000.000.000)	(96.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		124.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	20.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	15.062.892.323	11.844.425.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		38.160.714.923	(91.321.504.449)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19	34.200.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.19	(516.420.000)	(552.330.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	31.203.594.996
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(32.403.594.996)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(82.085.050.000)	(157.295.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.401.470.000)	(159.047.430.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		132.350.638.137	(124.199.319.748)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	115.842.955.348	240.042.275.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	248.193.593.485	115.842.955.348



Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập

Phạm Quốc Thái
Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất sang lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 724 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 746 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Các khoản phải thu**
Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
 - Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thẩm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho liên quan đến việc khai thác mở rộng mỏ đá. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 37
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và chi phí nâng cấp nhằm nâng cao tính năng sử dụng phần mềm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận trong tương lai với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.402.301.000	914.110.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104.791.292.485	9.928.845.348
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	142.000.000.000	105.000.000.000
Cộng	248.193.593.485	115.842.955.348

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 6 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>260.344.000</i>	<i>535.397.000</i>
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	260.344.000	535.397.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>23.647.694.285</i>	<i>17.987.680.217</i>
Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Châu Pha	1.742.509.146	1.957.297.927
Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành	1.912.146.621	780.609.074
Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh	3.751.646.961	1.948.681.818
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Xây dựng Đồng Mê Kông	-	2.836.022.550
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng BMT	2.134.234.805	1.124.761.940
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn IMC	4.213.282.176	-
Các khách hàng khác	9.893.874.576	9.340.306.908
Cộng	23.908.038.285	18.523.077.217

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Trị	3.676.379.727	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Duy Long	2.735.870.455	-
Công ty TNHH Phú Gia Lương	4.040.522.727	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Nam Khang	854.040.000	59.708.000
Công ty TNHH Xây dựng Địa Chất Khoáng sản Vĩnh An	260.000.000	250.400.000
Công ty TNHH TMDV Siêu thị Co.opmart Biên Hòa	760.000.000	710.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thái Nam	-	534.375.000
Các nhà cung cấp khác	274.000.000	692.746.317
Cộng	12.600.812.909	2.247.229.317

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.197.680.000	-
Tạm ứng	647.000.000	-	628.000.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế	421.255.294	-	407.374.274	-
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	43.419.814	-	41.987.344	-
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	-	-	260.000.000	-
Ký quỹ khác	10.000.000	-	-	-
Lãi tiền gửi tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai	1.160.937.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.344.480.661	-	286.450.000	-
Cộng	3.627.092.769	-	2.821.491.618	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các mỏ đá dài hạn. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mỏ Thạnh Phú	6.629.497.370	6.607.451.998
Mỏ Tân Cang 1	5.080.220.037	4.927.472.957
Mỏ Thiện Tân 2	6.601.946.780	6.110.894.563
Mỏ Soklu 2	5.554.368.266	5.554.368.266
Mỏ Soklu 5	2.524.386.894	2.093.223.237
Số cuối năm	26.390.419.347	25.293.411.021

6. Nợ quá hạn

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.495.365.010	-	10.497.234.118	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.155.821.598	-	4.083.701.156	-
Thành phẩm	12.140.078.249 (202.222.256)	-	10.323.497.321 (223.360.791)	-
Hàng hóa	1.253.994.981	-	1.418.033.408	-
Cộng	29.045.259.838 (202.222.256)	-	26.322.466.003 (223.360.791)	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	223.360.791	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	223.360.791
Hoàn nhập dự phòng	(21.138.535)	-
Số cuối năm	202.222.256	223.360.791

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.443.839.813	361.399.026.982	82.049.178.534	3.962.681.212	115.000.000	508.969.726.541
Mua trong năm	246.000.000	181.000.000	20.807.018.183	-	-	21.234.018.183
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.229.116.825	24.348.572.994	-	-	-	25.577.689.819
Thanh lý, nhượng bán	(586.080.000)	(2.531.313.873)	(6.486.720.314)	(37.145.455)	-	(9.641.259.642)
Số cuối năm	62.332.876.638	383.397.286.103	96.369.476.403	3.925.535.757	115.000.000	546.140.174.901
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.838.894.825	108.976.107.420	25.104.006.772	956.436.380	115.000.000	136.990.445.397
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	29.133.294.640	266.619.069.668	55.579.097.584	2.827.044.704	108.611.114	354.267.117.710
Khấu hao trong năm	4.514.785.623	27.476.623.147	9.582.282.286	478.045.957	6.388.886	42.058.125.899
Thanh lý, nhượng bán	(219.392.386)	(2.298.293.255)	(6.354.828.361)	(34.545.271)	-	(8.907.059.273)
Số cuối năm	33.428.687.877	291.797.399.560	58.806.551.509	3.270.545.390	115.000.000	387.418.184.336
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	32.310.545.173	94.779.957.314	26.470.080.950	1.135.636.508	6.388.886	154.702.608.831
Số cuối năm	28.904.188.761	91.599.886.543	37.562.924.894	654.990.367	-	158.721.990.565
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	415.800.000
Chi phí nâng cấp	58.500.000
Số cuối năm	474.300.000
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	57.750.000
Khấu hao trong năm	144.171.428
Số cuối năm	201.921.428
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	358.050.000
Số cuối năm	272.378.572
Trong đó:	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

387,
 3 T)
 1 HỒ
 VÀ T)
 C
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	21.292.518.183	(21.292.518.183)	-
Đầu tư 12 xe tải ben 4 trục mới 100%	-	14.605.309.092	(14.605.309.092)	-
Đầu tư 3 xe bồn nước chuyên dụng dung tích 16-18m ³ mới 100%	-	3.872.727.273	(3.872.727.273)	-
Mua sắm mới: trụ bơm dầu công trường Thanh Phú	-	118.000.000	(118.000.000)	-
Mua sắm mới: máy gia công bê đai sắt	-	63.000.000	(63.000.000)	-
Mua sắm mới: 1 container văn phòng 20 feet văn phòng trạm cân thành phẩm 1 (Thanh Phú)	-	62.500.000	(62.500.000)	-
Mua sắm: 1 container 20 feet văn phòng trạm cân thành phẩm 5 (Tân Cang)	-	61.500.000	(61.500.000)	-
2 Container văn phòng 20 feet văn phòng trạm cân 3 thành phẩm và trạm cân 7 nguyên liệu	-	122.000.000	(122.000.000)	-
Đầu tư mới 1 xe Toyota Fortuner	-	1.168.527.273	(1.168.527.273)	-
Đầu tư mới 1 xe Toyota Fortuner	-	1.160.454.545	(1.160.454.545)	-
Nâng cấp phần mềm quản lý Fast Business online	-	58.500.000	(58.500.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	12.503.822.602	13.073.867.217	(25.577.689.819)	-
Sửa chữa nâng cấp máy xay số 5, loại cố định từ công suất 250 tấn/giờ lên 350 tấn/giờ (5 Tân Cang)	11.962.886.355	1.341.194.275	(13.304.080.630)	-
Nâng cấp bờ kè sắt 20 m máy xay số 5 Tân Cang	385.131.685	-	(385.131.685)	-
Nâng cấp móng bê máy xay số 5 Tân Cang	155.804.562	-	(155.804.562)	-
Máy rửa xe tự động mô đá Tân Cang (từ công trường CB 2 ra đường Chuyên dùng)	-	225.662.835	(225.662.835)	-
Móng máy rửa xe tự động Tân Cang	-	133.024.001	(133.024.001)	-
Di dời, sửa chữa, nâng cấp máy xay số 3 Tân Cang từ 250 tấn/giờ lên 350 tấn/giờ	-	10.712.806.863	(10.712.806.863)	-
Nâng cấp bờ kè sắt và móng bê máy xay số 3 Tân Cang	-	555.156.577	(555.156.577)	-
Lắp đặt máy xay đá 0x4, công suất 250 tấn/giờ tại KCB 1 Mô đá Tân Cang (Máy xay số 10)	-	106.022.666	(106.022.666)	-
Cộng	12.503.822.602	34.366.385.400	(46.870.208.002)	-

387,
 3 T)
 1 HỒ
 VÀ T)
 C
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Chi phí đền bù mỏ Thạnh Phú	51.188.738.050	-	52.852.304.938	-
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	8.127.781.738	-	12.350.799.375	-
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	74.931.490.970	-	77.201.036.816	-
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	39.558.099.784	-	38.037.414.299	-
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	2.279.247.710	-	2.279.247.710	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	217.666.697	-	286.166.697	-
Cộng	176.303.024.949	-	183.006.969.835	-

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế trên 1 năm chưa sử dụng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng	2.895.867.612	-	1.845.437.253	-
Công ty TNHH Nam Phong	4.245.792.540	-	3.292.529.240	-
Các nhà cung cấp khác	17.860.387.388	-	14.863.756.796	-
Cộng	25.002.047.540	-	20.001.723.289	-

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Ông Lê Văn Hưng	1.119.813.201	-	2.758.439.201	-
Công ty Cổ phần Hải Đăng	10.137.518	-	1.093.238.225	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	17.111.259.206	-	8.259.206	-
Công ty TNHH MTV Thiện Khiêm	447.630.489	-	652.261.348	-
Các khách hàng khác	10.507.913.219	-	8.468.131.311	-
Cộng	29.196.753.633	-	12.980.329.291	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.108.801.421	-	56.488.662.635	(55.968.255.291)	1.629.208.765	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	27.048.245	(27.048.245)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	24.589.314	(24.589.314)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.016.299.367	-	35.869.112.715	(33.445.487.232)	3.439.924.850	-
Thuế tài nguyên	5.354.949.069	-	72.882.536.998	(73.044.728.880)	5.192.757.187	-
Tiền thuế đất	-	-	11.529.652.519	(11.529.652.519)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	501.278.968	-	41.229.040.316	(40.602.417.723)	1.127.901.561	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	10.000.000.000	30.124.586.528	(22.564.236.692)	-	2.439.650.164
Thuế đất phi nông nghiệp	-	1.204.538	319.093.936	(317.889.398)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	918.027.478	4.114.770.546	(3.712.585.595)	-	515.842.527
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	7.981.328.825	10.919.232.016	252.618.093.752	(241.245.890.889)	11.389.792.363	2.955.492.691

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước:	05%
- Sản phẩm khác:	10%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	177.633.322.626	187.447.702.865
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.712.240.951	565.032.349
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	179.345.563.577	188.012.735.214
Thu nhập được miễn thuế	-	(1.197.680.000)
Thu nhập tính thuế	179.345.563.577	186.815.055.214
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	35.869.112.715	37.363.011.043

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên với đơn giá tính thuế và thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
- Đất san lấp	60.000	7%
- Đất gạch	150.000	15%
- Nước sinh hoạt	4.000	3%
- Nước sản xuất	7.000	8%
- Cát khai thác tuyển rửa trên bờ	250.000	15%
- Đá thành phẩm	Giá bán sản phẩm công nghiệp trừ chi phí chế biến phát sinh giai đoạn từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp (nhưng không được thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định)	10%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với diện tích và đơn giá thuê đất theo quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với đơn giá như sau:

	VND/m ³	VND/tấn
- Đất gạch:	2.200	-
- Đất san lấp:	2.200	-
- Cát xây dựng:	4.400	-
- Đá nguyên liệu:	-	3.003

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Công ty đã nộp giá trị thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Quý tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	503.038.180
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa phải trả	574.085.631	1.205.417.682
Công ty TNHH Xây dựng Đô Lý - chi phí nhân công, máy thi công phải trả	1.659.262.238	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	332.977.952	168.995.120
Cộng	2.566.325.821	1.877.450.982

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	40.611.061.642	17.407.170.339	41.010.000	(22.941.200.000)	35.118.041.981
Quỹ phúc lợi	50.366.880.975	17.407.170.339	1.000.000	(21.817.297.144)	45.957.754.170
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	700.213.921	552.177.000	-	(672.000.000)	580.390.921
Cộng	91.678.156.538	35.366.517.678	42.010.000	(45.430.497.144)	81.656.187.072

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	7.070.787.461	(764.370.000)	27.576.700.486	104.320.300.711	588.203.418.658
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(552.330.000)	-	-	(552.330.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	150.084.691.822	150.084.691.822
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	22.512.703.773	(62.959.451.668)	(40.446.747.895)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(157.295.100.000)	(157.295.100.000)
Số dư cuối năm trước	450.000.000.000	7.070.787.461	(1.316.700.000)	50.089.404.259	34.150.440.865	539.993.932.585
Số dư đầu năm nay	450.000.000.000	7.070.787.461	(1.316.700.000)	50.089.404.259	34.150.440.865	539.993.932.585
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	14.200.000.000	-	-	-	34.200.000.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	(50.610.254.690)	50.610.254.690	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm nay	-	-	(516.420.000)	-	-	(516.420.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	141.764.209.911	141.764.209.911
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	21.264.631.487	(56.631.149.165)	(35.366.517.678)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(82.085.050.000)	(82.085.050.000)
Số dư cuối năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(1.833.120.000)	20.743.781.056	87.808.706.301	597.990.154.818

⁽ⁱ⁾ Trong năm Công ty đã thực hiện phát hành 2.000.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018. Các cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm tính từ thời điểm báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 17 tháng 4 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán II là Nội ban hành Quyết định số 192/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	316.770.000.000	316.770.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	45.000.000.000	104.510.000.000
Các cổ đông khác	108.230.000.000	28.720.000.000
Cộng	470.000.000.000	450.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(107.200)	(77.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(107.200)	(77.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.892.800	44.923.000
- Cổ phiếu phổ thông	46.892.800	44.923.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 44A/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 9 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức năm 2017 đợt 2	: 35.192.250.000
• Chuyển quỹ đầu tư phát triển các năm trước về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	: 50.610.254.690
• Tạm ứng cổ tức năm 2018 đợt 1	: 46.892.800.000

Theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2018	: 21.264.631.487
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018	: 34.814.340.678
• Thương Ban điều hành 2018	: 552.177.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**20a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.547.026.690	4.382.327.916
Trên 1 năm đến 5 năm	18.062.054.557	16.684.427.665
Trên 5 năm	29.771.437.912	31.572.190.121
Cộng	54.380.519.158	52.638.945.703

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2015 đến năm 2047 và có khả năng được gia hạn thêm.

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng một số khách hàng với số tiền 6.006.368.008 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đất, đá	696.008.187.702	726.929.465.751
Doanh thu xây dựng	4.628.645.183	4.980.391.817
Doanh thu bán hàng hóa	220.955.985.261	205.688.891.752
Doanh thu khác	56.650.270.742	48.515.529.602
Cộng	978.243.088.888	986.114.278.922

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là 4.531.237.910 VND (năm trước là 4.980.391.817 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đất, đá	508.831.185.309	508.394.999.341
Giá vốn xây dựng	4.427.240.185	4.780.295.984
Giá vốn bán hàng hóa	201.685.818.248	178.077.086.574
Giá vốn khác	46.404.557.436	42.849.894.442
Cộng	761.348.801.178	734.102.276.341

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.026.149.323	11.844.425.830
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.197.680.000
Cộng	15.026.149.323	13.042.105.830

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.224.418.690	6.545.917.553
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	1.453.234.800	1.765.525.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.578.164.531	1.786.733.798
Chi phí vận chuyển, gia công	4.517.327.436	8.253.500.497
Các chi phí khác	2.260.811.641	5.525.084.387
Cộng	15.033.957.098	23.876.762.170

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.061.351.157	22.565.235.299
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.218.260.481	1.589.976.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.457.414.738	1.446.126.280
Phân bổ lợi thế kinh doanh	-	4.913.015.668
Chi phí sửa chữa thiết bị	14.826.610.806	15.407.980.215
Các chi phí khác	7.423.650.650	9.317.948.810
Cộng	42.987.287.832	55.240.283.213

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình	730.007.631	-
Thu nhập từ bán phế liệu, vật tư	4.064.384.057	2.056.167.270
Tiền thuê đất mỏ Đồi Chứa	-	441.793.292
Thừa kiểm kê	399.703.445	359.021.852
Thu nhập khác	223.445.520	621.430.392
Cộng	5.417.540.653	3.478.412.806

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	382.392.479
Thuế bị phạt, truy thu	-	29.079.080
Thanh lý vật tư, nguyên liệu	1.531.786.527	1.064.873.952
Chi phí thẩm định giá, bán đấu giá tài sản cố định	84.543.136	54.289.582
Chi phí khác	67.080.467	295.278.802
Cộng	1.683.410.130	1.825.913.895

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	141.764.209.911	150.084.691.822
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(34.814.340.678)	(39.801.393.895)
Trích thưởng Ban điều hành	(552.177.000)	(645.354.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	106.397.692.233	109.637.943.927
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	46.525.207	44.941.053
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.287	2.440

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Trong năm Công ty đã điều chỉnh số liệu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Biên bản kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII ngày 28 tháng 12 năm 2018 dẫn đến sự thay đổi về số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi trên cổ phiếu. Lãi trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm xuống còn 2.440 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	140.281.840.210	150.386.339.954
Chi phí nhân công	68.148.484.873	79.430.985.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.202.297.327	39.599.480.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.914.574.271	150.069.105.354
Chi phí khác	166.061.554.058	173.442.511.776
Cộng	563.608.750.739	592.928.422.830

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Lương và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.205.258.000 VND (năm trước là 5.997.400.200 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1h. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là Công ty mẹ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức	55.434.750.000	110.869.500.000
Thu hộ	-	332.427.984

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Khoản công nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực khai thác, kinh doanh đá vật liệu xây dựng và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Trong năm Công ty đã điều chỉnh số liệu năm trước theo Biên bản kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII số 468/TB - KV XIII ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Tài sản dài hạn	200	420.767.245.568	475.877.061	421.243.122.629	
Tài sản cố định	220	154.584.781.770	475.877.061	155.060.658.831	
Tài sản cố định hữu hình	221	154.226.731.770	475.877.061	154.702.608.831	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(354.742.994.771)	475.877.061	(354.267.117.710)	(i)
Tổng cộng tài sản	270	693.220.336.296	475.877.061	693.696.213.357	
Nợ phải trả	300	150.759.476.899	2.942.803.873	153.702.280.772	
Nợ ngắn hạn	310	150.759.476.899	2.942.803.873	153.702.280.772	
Thuế và các khoản phải nộp					
Nhà nước	313	4.177.668.551	3.803.660.274	7.981.328.825	(ii)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	92.539.012.939	(860.856.401)	91.678.156.538	(iii)
Vốn chủ sở hữu	400	542.460.859.397	(2.466.926.812)	539.993.932.585	
Nợ ngắn hạn	410	542.460.859.397	(2.466.926.812)	539.993.932.585	
Quỹ đầu tư phát triển	418	50.610.254.690	(520.850.431)	50.089.404.259	(iii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	36.096.517.246	(1.946.076.381)	34.150.440.865	(iv)
Tổng cộng nguồn vốn	440	693.220.336.296	475.877.061	693.696.213.357	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	729.797.994.334	4.304.282.007	734.102.276.341	(v)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	256.310.167.314	(4.304.282.007)	252.005.885.307	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	190.099.485.961	(4.304.282.007)	185.795.203.954	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	191.751.984.872	(4.304.282.007)	187.447.702.865	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38.194.956.846	(831.945.803)	37.363.011.043	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	153.557.028.026	(3.472.336.204)	150.084.691.822	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.498	(58)	2.440	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.391	49	2.440	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	191.751.984.872	(4.304.282.007)	187.447.702.865	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	39.930.804.592	(331.324.070)	39.599.480.522	(i)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	219.382.154.336	(4.635.606.077)	214.746.548.259	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(31.267.916.279)	4.635.606.077	(26.632.310.202)	(ii)
(i) Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình					
Giảm do điều chỉnh khấu hao một số tài sản cố định hữu hình.					
(ii) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				4.635.606.077	
- Tăng thuế tài nguyên phải nộp				(831.945.803)	
- Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp				3.803.660.274	
Cộng				3.803.660.274	
(iii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển					
Giảm do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm.					
(iv) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				144.552.991	
- Tăng do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao năm 2016				(3.472.336.204)	
- Giảm do lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi theo kết quả kiểm toán				860.856.401	
- Tăng do giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				520.850.431	
- Tăng do giảm trích quỹ đầu tư phát triển				(1.946.076.381)	
Cộng				(1.946.076.381)	
(v) Giá vốn hàng bán				4.635.606.077	
- Thuế tài nguyên phải nộp bổ sung				(331.324.070)	
- Giảm chi phí khấu hao tài sản cố định				4.304.282.007	
Cộng				4.304.282.007	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	248.193.593.485	-	115.842.955.348	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	-	96.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	23.908.038.285	-	18.523.077.217	-
Các khoản phải thu khác	28.905.837.008	-	27.037.541.021	-
Cộng	341.007.468.778	-	257.403.573.586	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	25.002.047.540	20.001.723.289
Các khoản phải trả khác	2.082.240.190	258.995.120
Cộng	27.084.287.730	20.260.718.409

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

496
IG
EM
IVÀ
&
PY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ tiềm tàng

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ tháng 7 năm 2011.

Thực hiện Chỉ thị 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất khoáng sản, ngày 12 tháng 9 năm 2014 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do vậy, Công ty chưa ghi nhận phí cấp quyền khai thác trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn chưa có quyết định chính thức về vấn đề này.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày năm tài chính kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2019

 Nguyễn Ngọc Mai Phương Người lập	 Phạm Quốc Thái Kế toán trưởng	 Huỳnh Kim Vũ Giám đốc
--	---	--





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU
XÂY DỰNG BIÊN HÒA**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2018**

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2019
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố 3, phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai